PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

QUỐC HỘI

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: 100/2015/QH13

NGHỊ QUYẾT
PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

QUỐC HỘI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật tổ chức Quốc hội số 30/2001/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 83/2007/QH11 và Luật tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 và Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Sau khi xem xét Báo cáo số 507/BC-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đánh giá kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2011-2015 và định hướng xây dựng các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020; Tờ trình số 439/TTr-CP ngày 21 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; Tờ trình số 543/TTr-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; Báo cáo thẩm tra số 3043/BC-UBTCNS13 ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban Tài chính - Ngân sách về tổng kết tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2011-2015 và định hướng Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020; Báo cáo giải trình, tiếp thu số 597/BC-CP ngày 31 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về 2 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020; Báo cáo thẩm tra bổ sung số 3076/BC-UBTCNS13 ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban Tài chính - Ngân sách về tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm 2015, dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương năm 2016 và Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020; Báo cáo giải trình, tiếp thu số 991/BC-UBTVQH13 ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tổng kết tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu

quốc gia giai đoạn 2011-2015 và định hướng Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Danh mục các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 bao gồm:

1. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

Điều 2. Mục tiêu của các chương trình.

1. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:

a) Mục tiêu tổng quát: Xây dựng nông thôn mới để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị; xã hội nông thôn dân chủ, bình đẳng, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh, trật tự được giữ vững.

b) Mục tiêu cụ thể: Đến năm 2020 số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới khoảng 50%; không còn xã đạt dưới 5 tiêu chí.

2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:

a) Mục tiêu tổng quát: Thực hiện giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo; góp phần tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần, tăng thu nhập của người nghèo giai đoạn 2016 - 2020

b) Mục tiêu cụ thể: Góp phần giảm tỷ lệ nghèo cả nước bình quân 1,0% - 1,5%/năm; riêng các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn giảm 4%/năm theo chuẩn nghèo quốc gia giai đoạn 2016 - 2020

Điều 3. Phạm vi, thời gian thực hiện.

1. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:

a) Phạm vi thực hiện: Các xã trên phạm vi cả nước.

b) Thời gian thực hiện: Từ năm 2016 đến hết năm 2020.

2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:

a) Phạm vi thực hiện: Trên phạm vi cả nước, trong đó ưu tiên tập trung các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo

(nay là 64 huyện nghèo); các huyện nghèo có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định của Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, xã biên giới, xã an toàn khu, thôn, bản đặc biệt khó khăn (Chương trình 135).

b) Thời gian thực hiện: Từ năm 2016 đến hết năm 2020.

Điều 4. Kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020.

1. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Tổng mức vốn thực hiện từ ngân sách nhà nước tối thiểu là 193.155,6 tỷ đồng, trong đó:

a) Ngân sách trung ương: 63.155,6 tỷ đồng;

b) Ngân sách địa phương: 130.000 tỷ đồng.

Trong quá trình điều hành, Chính phủ tiếp tục cân đối ngân sách trung ương để có thể hỗ trợ thêm cho Chương trình và có giải pháp huy động hợp lý mọi nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện.

2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Tổng mức vốn thực hiện từ ngân sách nhà nước tối thiểu là 46.161 tỷ đồng, trong đó:

a) Ngân sách trung ương: 41.449 tỷ đồng;

b) Ngân sách địa phương: 4.712 tỷ đồng.

Trong quá trình điều hành, Chính phủ tiếp tục cân đối ngân sách trung ương để có thể hỗ trợ thêm cho Chương trình và có giải pháp huy động hợp lý mọi nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện.

3. Giao Chính phủ tiếp tục rà soát 21 chương trình mục tiêu được ban hành theo Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020; loại bỏ các mục tiêu, nhiệm vụ của các chương trình mục tiêu trùng lặp với mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

Điều 5. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện chương trình.

1. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:

a) Ưu tiên nguồn lực cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; xã nghèo thuộc các huyện nghèo; xã nghèo thuộc huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng như các huyện nghèo.

b) Tập trung đầu tư cho các xã mới đạt dưới 5 tiêu chí và các xã đã đạt trên 15 tiêu chí để phấn đấu hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới; chú trọng đầu tư cho các xã chưa hoàn thành các công trình hạ tầng cơ bản (giao thông, điện, trường học, trạm y tế, nước sạch, thủy lợi); hỗ trợ phát triển sản xuất, bảo vệ môi trường.

c) Cơ chế hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện chương trình căn cứ theo dự toán thu, chi ngân sách năm 2014 của từng địa phương, cụ thể như sau:

- Đối với các địa phương có điều tiết về ngân sách trung ương: Không hỗ trợ vốn từ ngân sách trung ương (trừ tỉnh Quảng Ngãi). Các địa phương phải bố trí vốn ngân sách địa phương ở mức cao hơn so với các địa phương khác và huy động hợp lý theo quy định của pháp luật nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện mục tiêu của Chương trình.

- Đối với các địa phương nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương với mức từ 50% trở lên: Ưu tiên bố trí ở mức độ cao phù hợp với tổng số xã; xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới; xã an toàn khu; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

- Đối với tỉnh Quảng Ngãi và các địa phương nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương với mức dưới 50%: Bố trí vốn ở mức thấp hơn so với nhóm nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương với mức từ 50% trở lên.

d) Trên cơ sở các nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện các chương trình, giao Chính phủ quy định định mức phân bổ cụ thể ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách, mục tiêu kế hoạch hàng năm và trong khuôn khổ của kế hoạch đầu tư trung hạn 5 năm giai đoạn 2016 - 2020;

đ) Trung ương hỗ trợ cho địa phương tổng mức vốn và giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phân bổ để làm căn cứ chỉ đạo, điều hành cụ thể.

2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:

a) Hỗ trợ theo định mức cho các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo (nay là 64 huyện nghèo); các huyện nghèo có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định của Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc

thiểu số và miền núi, xã biên giới, xã an toàn khu, thôn, bản đặc biệt khó khăn (Chương trình 135); các xã khác.

Các địa phương phải bố trí vốn ngân sách địa phương và huy động hợp lý theo quy định của pháp luật nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện mục tiêu của Chương trình.

Giao Chính phủ quy định định mức hỗ trợ cho từng huyện, xã, thôn.

b) Trung ương hỗ trợ cho địa phương tổng mức vốn theo các dự án của Chương trình, trong đó quy định cụ thể mức vốn của Chương trình 30a, Chương trình 135. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phân bổ để làm căn cứ chỉ đạo, điều hành cụ thể.

Điều 6. Giải pháp và cơ chế quản lý, điều hành.

1. Giải pháp huy động vốn và triển khai thực hiện:

a) Thực hiện đồng bộ các giải pháp về huy động vốn, bảo đảm huy động đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu đã được quy định; các địa phương phải có trách nhiệm bố trí đủ vốn ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật để thực hiện Chương trình.

b) Rà soát, phân kỳ đầu tư, ưu tiên tập trung đầu tư, tránh dàn trải, nợ đọng, bảo đảm đúng quy định của Luật Đầu tư công, huy động đủ các nguồn lực để thực hiện Chương trình.

c) Rà soát và điều chỉnh hệ thống tiêu chí xã nông thôn mới, phù hợp với tình hình thực tiễn, từng vùng, miền.

2. Cơ chế quản lý, điều hành:

a) Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia cấp trung ương do một Phó Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng ban. Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tổng hợp 2 Chương trình; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chủ trì Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan chủ trì Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; Ủy ban Dân tộc và các bộ, ngành có liên quan là thành viên Ban Chỉ đạo.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ở địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm Trưởng ban. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tổng hợp 2 Chương trình; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chủ trì Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan chủ trì Chương trình mục tiêu quốc gia

giảm nghèo bền vững; Cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc và các sở, ngành có liên quan là thành viên Ban Chỉ đạo.

b) Giao Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia cấp trung ương và hướng dẫn các địa phương xây dựng chức năng, nhiệm vụ của Ban chỉ đạo cấp địa phương phù hợp với tình hình thực tế.

c) Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý, điều hành thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, bảo đảm tập trung, không trùng lặp về chính sách để phân bổ và sử dụng nguồn lực có hiệu quả.

d) Áp dụng cơ chế đặc thù rút gọn đối với một số dự án đầu tư có quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp, Nhà nước chỉ hỗ trợ đầu tư một phần kinh phí, phần còn lại do nhân dân đóng góp, có sự tham gia giám sát của nhân dân. Giao Chính phủ quy định chi tiết về cơ chế đặc thù rút gọn.

Điều 7. Giao Thủ tướng Chính phủ.

1. Quyết định đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 theo đúng trình tự được quy định tại Luật Đầu tư công.

2. Chỉ đạo các bộ quản lý Chương trình và các địa phương tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; chỉ đạo các địa phương thực hiện cam kết về trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc cân đối, huy động và sử dụng nguồn lực để bảo đảm thực hiện hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Hàng năm, vào kỳ họp Quốc hội cuối năm, Chính phủ báo cáo Quốc hội kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 8. Giao Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

1. Xây dựng kế hoạch, bố trí ngân sách địa phương, phối hợp, lồng ghép với ngân sách trung ương và huy động tối đa các nguồn lực khác để thực hiện 2 Chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Hàng năm, vào kỳ họp cuối năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp, Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 9. Giám sát việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Ủy ban thường vụ Quốc hội, Ủy ban Tài chính - Ngân sách, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban khác của Quốc hội, các đoàn đại biểu Quốc hội và các

đại biểu Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo chức năng, nhiệm vụ, giám sát việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại các bộ, ngành và địa phương theo quy định tại Nghị quyết này và các văn bản pháp luật có liên quan.

Nghị quyết này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, Kỳ họp thứ mười thông qua ngày 12 tháng 11 năm 2015./.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Nguyễn Sinh Hùng